

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số:10/2023/HS-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đậu Đức Đông
2. Ông Ngô Sỹ Lượng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Nhà văn hóa xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân thị xã T mở phiên tòa xét xử lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HS ngày 17/3/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Đình Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 31 tháng 8 năm 1998, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Quang T, sinh năm 1970 con bà Đường Thị H, sinh năm: 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2022 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Sỹ T1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 09 tháng 11 năm 1996, tại huyện D, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT: Xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Sỹ B, sinh năm 1977 con bà Dương Thị N, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số:30/2019/HSST. Chấp hành xong ngày 22/01/2020; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2022 đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: Hồ Ngọc L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 3 năm 1998, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Bá T2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973; Vợ: Đinh Thị Kim A, sinh năm 2000 và có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2022 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Sỹ B, sinh năm: 1977 (có mặt)

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

+ Anh Hồ Bá T2, sinh năm: 1971 (có mặt)

Trú tại: Xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Anh Võ Quang T, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Chị Đinh Thị Kim A, sinh năm: 2000 (có mặt)

Trú tại: Xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Chị Cao Thị D, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm B, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

- Người chứng kiến:

Ông Nguyễn Sỹ Đ, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 17/11/2022 Võ Đình Q đã sử dụng ứng dụng M có tài khoản “Quang A1” gọi vào tài khoản “Hồ L” do Hồ Sỹ L1 là chủ với mục đích rủ L1 góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng thì L1 đồng ý. Sau đó Võ Đình Q tiếp tục sử dụng tài khoản “Quang A1” gọi cho tài khoản “Trần T1” của Trần Sỹ T1 với nội dung góp tiền để cùng mua ma túy và nói Trần Sỹ T1 đi mua ma túy đưa đến bãi đất trống thuộc xóm D, xã Đ, thị xã T để cùng nhau sử dụng thì T1 đồng ý. Trần Sỹ T1 gửi số tài khoản 9866795482 thuộc Ngân hàng V tên “TRAN SY TINH” để Q chuyển khoản. Sau đó Hồ Ngọc L nhờ chị Cao Thị D sử dụng tài khoản của chị D chuyển vào số tài khoản 1012374038 thuộc ngân hàng V do Võ Đình Q là chủ sử hữu với số tiền 300.000đ thì chị D đồng ý. Sau khi Q nhận được tiền từ L1, thì Quang đã dùng số tài khoản nêu trên của Quang chuyển vào tài khoản 9866795482 thuộc Ngân hàng V1 của T1 với số tiền 500.000đ để T1 đi mua ma túy.

Sau khi nhận được tiền từ Q thì T1 dùng số điện thoại 0866795482 gọi vào số điện thoại 0364049249 của một người đàn ông tên H2 (T1 không biết rõ lai lịch, địa chỉ) và hỏi mua 05 viên ma túy hồng phiên thì H2 đồng ý bán cho T1 với giá 600.000đ. T1 dùng tài khoản 9866795482 tại Ngân hàng V của T1 chuyển đến tài khoản số 0364049249 tại Ngân hàng S có tên là Phạm Xuân H3 với số tiền là 800.000đ (trong đó L góp 300.000đ, Q góp 200.000đ, T1 góp 100.000đ để mua ma túy còn 200.000đ là T1 trả nợ cho H2). Sau đó Hoàng hẹn gặp T1 đến khu vực ngã ba thuộc khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An để lấy ma túy. Tại đây, người đàn

ông tên H2 đưa cho T1 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có 05 viên nén màu hồng đều có đường kính 0,5cm, trên mặt mỗi viên có chữ “WY” là ma túy hồng phiến. Sau khi mua được ma túy, Trần Sỹ T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, màu nâu biển kiểm soát 37P3-6903 đem số ma túy vừa mua được đến bãi đất trống thuộc xóm D, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An như đã hẹn trước với Võ Đình Q.

Võ Đình Q sau khi đã chuyển tiền cho T1 thì điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ trắng, biển kiểm soát 37H1 0591.27 đi đến đoạn đường H thì gặp L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 37H1 -634.13 và cả hai đi đến địa điểm đã hẹn trước với T1. Trong thời gian chờ T1 đi mua ma túy thì Q lấy một chai nước mà Q mang theo ra đục một lỗ nhỏ, sau đó L đưa cho Q một tờ tiền 5.000 đồng rồi cuộn tròn làm ống hút gắn vào chiếc chai nêu trên. Q lấy từ túi quần phía trước bên phải ra 01 chiếc bật lửa màu xanh kích thước (1x2x7)cm để chuẩn bị sử dụng ma túy. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày T1 đến địa điểm nêu trên, lấy trong túi quần phía trước bên phải mà T1 đang mặc ra 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa 05 viên nén màu hồng đều có đường kính 0,5cm trên mặt mỗi viên có in chữ “WY” là ma túy hồng phiến đưa cho Võ Đình Q, Q cầm gói ma túy rồi dùng tay phải mở gói ma túy ra và lấy hai viên ma túy cầm trên tay, 01 viên ma túy còn lại Q đưa cho L và Linh đặt xuống dưới đất nơi các đối tượng đang ngồi. Sau khi Q, L, T1 đang chuẩn bị pha hồng phiến để sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã Đ, thị xã T phát hiện. Thấy vậy, Võ Đình Q cầm hai viên ma túy hồng phiến bỏ chạy cùng với Hồ Ngọc L, còn Trần Sỹ T1 bị bắt giữ. Quá trình bỏ chạy Q đã vứt hai viên ma túy hồng phiến trên đường (Quang không nhớ vị trí), Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm số ma túy mà Q đã vứt nhưng không có kết quả.

Ngày 18/11/2022 Võ Đình Q lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đầu thú, ngày 21/11/2022 Hồ Ngọc L lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đầu thú.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T xác định: Tổng khối lượng 03 viên nén màu hồng thu giữ của Trần Sỹ T1 có khối lượng 0,29gam.

Tại Kết luận giám định số: 1316/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 24/11/2022, của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Trần Sỹ T1 gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine)

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 28 tháng 02 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố các bị cáo Võ Đình Q, Trần Sỹ T1, Hồ Ngọc L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Sỹ T1 từ 13 đến 15 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Võ Đình Q** từ 13 đến 15 tháng tù, bị cáo **Hồ Ngọc L** từ 12 đến 14 tháng tù về tội “**tàng** trữ trái phép chất ma túy”

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 – BLTTHS tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (19 x 11)cm, bên trong chứa 02 viên nén màu hồng, có khối lượng 0,20gam thu giữ của **Trần Sỹ T1** (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định); 01 chai nước, trên thân chai bị đục lỗ; 01 chiếc bật lửa gas, màu xanh, kích thước (1x2x7)cm.

Tịch thu sung công quỹ **nhà** nước 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX, màu vàng, có số IMEIL 353097101977881, đã qua sử dụng, mặt trước và mặt sau của máy bị vỡ, rạn nứt thu giữ của **Võ Đình Q**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu REALME C17, màu xanh có số IMEIL1: 867366042444874; IMEIL2: 867366042444866 thu giữ của **Trần Sỹ T1**.

Giao cho **cơ** quan **cảnh** sát điều tra **Công an thị xã T** tiếp tục xác minh xử lý 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, màu nâu, biển kiểm soát 37P3-6903, đã qua sử dụng thu giữ của **Trần Sỹ T1**.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà **Đại** diện Viện kiểm sát đề nghị, các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định **tố** tụng của **Cơ** quan **cảnh** sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thống nhất với nhau, phù hợp với **Biên** bản bắt người phạm tội quả tang, **biên** bản tiếp nhận người phạm tội lên đầu thú cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được đưa ra xem xét, đánh giá, thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó đã có đủ cơ sở để xác định được: Vào khoảng 21 giờ ngày 17/11/2022, **Võ Đình Q** đã gọi điện cho **Hồ Ngọc L** và **Trần Sỹ T1** rủ góp tiền để mua ma túy về sử dụng thì **L** và **T1** đều đồng ý. Vì vậy **L** góp 300.000đ, **Q** góp 200.000đ, **T1** góp 100.000đ. Sau khi góp đủ tiền thì **Trần Sỹ T1** hỏi và mua được của một người đàn ông tên **H3** 05 viên ma túy hồng phiến với giá 600.000đ. Sau khi mua được ma túy **T1** mang đến nơi đã hẹn với **Q** tại xóm D, xã Đ để sử dụng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày khi **Võ Đình Q**, **Trần Sỹ T1**, **Hồ Ngọc L** đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị tổ công tác **Công an xã Đ** kiểm tra bắt quả tang

thu giữ của **Trần Sỹ T1** 03 viên nén màu hồng là ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 0,29gam. Mục đích **Võ Đình Q**, **Trần Sỹ T1**, **Hồ Ngọc L** tàng trữ ma túy là để sử dụng. Nên hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS như **Cáo** trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của **nhà** nước đối với các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tác hại cho sức khỏe của con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân gây ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp **luật hình** sự, ý thức được hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của mình là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ với nhau. Bị cáo **Võ Đình Q** là người khởi xướng, trực tiếp gọi điện cho cho **T1**, **L** rủ góp tiền mua ma túy để sử dụng nên bị cáo **Q** phải chịu trách nhiệm ở vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo **Trần Sỹ T1** là người trực tiếp đi mua ma túy và đưa đến nơi hẹn để cùng sử dụng nên bị cáo **T1** phải chịu trách nhiệm ở vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo **Hồ Ngọc L** góp số tiền 300.000đ để mua ma túy nên bị cáo **L** chịu trách nhiệm vai trò sau cùng.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm **hình** sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên vào năm 2019 bị cáo **Trần Sỹ T1** đã bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp xử phạt 12 tháng tù về tội “**tiêu** thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” mặc dù nay đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đây làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Bị cáo **Võ Đình Q** đã từng được rèn luyện trong môi trường quân ngũ, có hiểu biết về pháp luật sau khi xuất ngũ đáng lẽ bị cáo phải mang kiến thức, bản lĩnh để cùng với địa phương góp phần ổn định an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên với bản tính ham chơi, xem thường pháp luật các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó đối với các bị cáo cần phải có một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo **Q**, **L** đã lên **cơ** quan **cảnh** sát điều tra để đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình vì vậy bị cáo **Q**, **L** còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra kết hợp với xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù, cách ly tất

cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo có thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Đối với 01(một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (19 x 11)cm, bên trong chứa 02 viên nén màu hồng, có khối lượng 0,20gam thu giữ của **Trần Sỹ T1** (số còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định); 01 chai nước, trên thân chai bị đục lỗ; 01 chiếc bật lửa gas, màu xanh, kích thước (1x2x7)cm. Xét đây là vật cấm tàng trữ, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với 01(một) tờ tiền mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax, màu vàng, có số IMEIL 353097101977881, đã qua sử dụng, mặt trước và mặt sau của máy bị vỡ, rạn nứt thu giữ của **Võ Đình Q**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu REALME C17, màu xanh có số IMEIL1: 867366042444874; IMEIL2: 867366042444866 thu giữ của **Trần Sỹ T1**. Xét đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công **quỹ** nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, màu nâu, biển kiểm soát 37P3-6903, đã qua sử dụng thu giữ của **Trần Sỹ T1**. Trong quá trình điều tra xác định được ông **Trần Sỹ B** là bố của bị cáo **T1** thu mua sắt vụn của một người không quen biết. Cơ quan **cảnh** sát điều tra **công an thị xã T** đã xác minh thể hiện biển kiểm soát 37P3-6903 mang tên **Trần Ngọc L2**, sinh năm: 1975 trú tại **xóm A, xã D, huyện D** tuy nhiên trên kết quả xác minh thể hiện tại **xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** không có công dân **Trần Ngọc L2** cư trú. Mặt khác ông **Trần Sỹ B** chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông **B** là chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô trên. Vì vậy nay tiếp tục giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra **công an thị xã T** tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi bị phát hiện **Võ Đình Q** đã bỏ chạy và mang theo 02 viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến, quá trình bỏ chạy **Võ Đình Q** đã vứt hai viên ma túy. Cơ quan **cảnh** sát điều tra **Công an thị xã T** đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không cơ sở để xử lý.

Đối với các vật chứng khác, Cơ quan **cảnh** sát điều tra **Công an thị xã T** đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] **Trần Sỹ T1** đã khai mua của một người đàn ông tên **H3** 05 viên hồng phiến với giá 600.000đ tại **khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An** bằng hình thức chuyển khoản, **T1** đã chuyển khoản cho **H3** 800.000đ, trong đó 600.000đ tiền mua ma túy còn 200.000đ trả nợ cho **H3**. Cơ quan **cảnh** sát điều tra **công an thị xã T** đã tiến xác minh xác định được số tài khoản mà **L** đã chuyển tiền vào là 0364049249 do **Ngân**

hàng S1 phát hành mang tên **Phạm Xuân H3**, sinh năm: 1994, trú tại **khối T, phường H, thị xã T**. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra **công an thị xã T** đã tiến đôi chất, lấy lời khai của **Phạm Xuân H3** tuy nhiên **H3** không thừa nhận đã bán ma túy cho **T1** còn đối với số tiền 800.000đ mà Tỉnh chuyển khoản cho **H3** là số tiền mà **T1** chuyển trả nợ cho Hoàng còn việc Tỉnh gọi điện cho **H3** là gọi điện để trả nợ. Mặt khác không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được **H3** đã bán ma túy cho **T1** mặt khác Tỉnh khai có quan hệ vay nợ với **H3**. Do đó chưa đủ cơ sở để xem xét hành vi của Hoàng, vì vậy đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thị xã T** tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

Đối với chị **Cao Thị D** là người mà **Hồ Ngọc L** nhờ chuyển khoản cho **Võ Đình Q** vào ngày 17/11/2022 số tiền 300.000đ để góp tiền mua ma túy. Tuy nhiên chị **D** không biết số tiền **L** nhờ chuyển khoản là để mua ma túy nên chị **Cao Thị D** không phạm tội.

Đối với chị **Đinh Thị Kim A** là người đã cho **Hồ Ngọc L** mượn chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax màu xanh. Tuy nhiên chị **Đinh Thị Kim A** không biết **L** sử dụng vào mục đích phạm tội nên chị **A** không phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị **A** nay chị **A** cũng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh **Trần Sỹ B** đã cho **Trần Sỹ T1** mượn xe mô tô nhãn hiệu HAVICO biển kiểm soát 37P3-6903; Anh **Hồ Bá T2** cho **Hồ Ngọc L** mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 37H1-634.13; Anh **Võ Quang T** cho **Võ Đình Q** mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 37H1 0591.27. Quá trình điều tra xác định được anh **B**, anh **T2**, anh **T** không biết **T1**, **Q**, **L** sử dụng vào mục đích phạm tội nên anh **B**, anh **T2**, anh **T** không phạm tội.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo **Trần Sỹ T1** 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

+ Xử phạt bị cáo **Võ Đình Q** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 18 tháng 11 năm 2022

+ Xử phạt bị cáo **Hồ Ngọc L** 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 21 tháng 11 năm 2022.

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01(một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (19 x 11)cm, bên trong chứa 02 viên nén màu hồng, có khối lượng 0,20gam thu giữ của **Trần Sỹ T1** (số còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định); 01 chai nước, trên thân chai bị đục lỗ; 01 chiếc bật lửa gas, màu xanh, kích thước (1x2x7)cm.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(một) tờ tiền mệnh giá 5.000đ (năm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax, màu vàng, có số IMEIL 353097101977881, đã qua sử dụng, mặt trước và mặt sau của máy bị vỡ, rạn nứt thu giữ của **Võ Đình Q**; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu REALME C17, màu xanh có số IMEIL1: 867366042444874; IMEIL2: 867366042444866 thu giữ của **Trần Sỹ T1**.

Giao cho Cơ quan **cảnh** sát điều tra **công an thị xã T** tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, màu nâu, gắn biển kiểm soát 37P3-6903, đã qua sử dụng thu giữ của **Trần Sỹ T1**

Tang vật trên hiện có tại Chi **cục thi** hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 11 giờ 10 phút, ngày 28/02/2023, giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Võ Đình Q**, **Trần Sỹ T1**, **Hồ Ngọc L** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo, người có quyền lợi – **nghĩa vụ** liên quan anh **Trần Sỹ B**, anh **Hồ Bá T2**, chị **Đinh Thị Kim A** có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan chị **Cao Thị D**, anh **Võ Quang T** vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền

